TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC TÂN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364/TB-TTPTQĐ

Tân Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) đoạn qua phường Tân Ninh

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11/12/2025 Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026;

Căn cứ Công văn số 1354/UBND-KTTC ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời);

Căn cứ Quyết định số 8398/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời);

Căn cứ Thông báo ngày 05/5/2025 của UBND thành phố Tây Ninh về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) (Từ Thông báo số 165/TB-UBND đến Thông báo số 374/TB-UBND);

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Tân Ninh về việc thành lập Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) thuộc địa bàn phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ kết luận cuộc họp UBND phường Tân Ninh ngày 01/4/2026.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh thông báo niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) đoạn qua phường Tân Ninh như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN:

Tên dự án: Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời).

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ khu đất thực hiện dự án: Phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Diện tích đất thu hồi: **64.242,4** m^2.

Trong đó:

- Đất do Nhà nước quản lý: **8.302,1** m^2

- Đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng phải bồi thường: **55.940,30** m^2 (Gồm: 52.773,58m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 3.166,72m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Cụ thể:

+ *Đất ở tại đô thị: 7.499,14 m^2.*

+ *Đất trồng cây lâu năm: 43.503,06 m^2.*

+ *Đất trồng cây hàng năm: 25,80 m^2.*

+ *Đất trồng lúa: 4.912,30 m^2*

- Số hộ dân bị ảnh hưởng: **156** hộ *(Trong đó: 151 hộ bị thu hồi đất và 05 hộ xây dựng nhà, công trình trên đất người khác đứng tên chủ sử dụng).*

- Số hộ dân đủ điều kiện xem xét bố trí tái định cư: 11 hộ.

- Địa điểm dự kiến bố trí tái định cư: Khu tái định cư Phạm Tung, Phường 3 (Nay là phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh).

- Đơn vị thực hiện công tác bồi thường: Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NIÊM YẾT:

- **Thời gian:** 10 ngày, tính từ ngày 02/4/2026 theo quy định tại Điều 87 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XV, kỳ họp thứ 10.

- **Địa điểm:** Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Tân Ninh và Văn phòng các Khu phố: Khu phố 2, Khu phố 6, Khu phố Hiệp Thạnh, phường Tân Ninh

- Hồ sơ niêm yết gồm:

+ Thông báo số 364/TB-KVTN ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh.

+ Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) đoạn qua phường Tân Ninh.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường về đất:

1.1. Nguyên tắc bồi thường khi thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Đất đai năm 2024.

- Điều kiện bồi thường về đất: Thực hiện theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.

1.2. Xác định loại đất, vị trí đất bồi thường:

a. Căn cứ pháp lý để làm cơ sở xác định loại đất, vị trí đất bồi thường:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của các hộ dân.

b. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với một số trường hợp cụ thể:

Đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất: Thực hiện việc bồi thường đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

1.3. Đơn giá đất bồi thường:

Đơn giá đất để tính tiền bồi thường về đất: Thực hiện theo Chứng thư định giá đất số 237/2025/158 ngày 24/12/2025 của Công ty TNHH Thẩm định giá VALID đã được UBND phường Tân Ninh thống nhất thông qua tại cuộc họp UBND phường Tân Ninh ngày 29/12/2025 và ngày 01/4/2026.

Đơn giá đất cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đơn giá theo Bảng giá đất (đồng/m^2)	Đơn giá đề xuất (đồng/m^2)	Hệ số chênh lệch so với Bảng giá đất
A	**Đất ở**			
1	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường CMT8 trong đoạn từ đường Hoàng Lê Kha (ngã tư Bọng Dầu) đến đường Điện Biên Phủ (Cửa Hòa Viện) trong phạm vi 50m đầu	32.500.000	67.746.000	2,08
2	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường CMT8 trong đoạn từ đường Hoàng Lê Kha (ngã tư Bọng Dầu) đến đường Điện Biên Phủ (Cửa Hòa Viện) trong phạm vi sau 50m đầu	13.000.000	27.098.400	2,08
3	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường 3/2 trong đoạn từ đường CMT8 đến ngã 3 đi B4 trong phạm vi 50m đầu	15.375.000	17.370.000	1,13
4	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường 3/2 trong đoạn từ đường CMT8 đến ngã 3 đi B4 trong phạm vi sau 50m đầu	6.150.000	6.948.000	1,13
5	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường Trường Chinh trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Trụ sở Công an thành phố mới trong phạm vi 50m đầu	15.000.000	20.771.000	1,38

TT	Nội dung	Đơn giá theo Bảng giá đất (đồng/m^2)	Đơn giá đề xuất (đồng/m^2)	Hệ số chênh lệch so với Bảng giá đất
6	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường Trường Chinh trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Trụ sở Công an thành phố mới trong phạm vi sau 50m đầu	6.000.000	8.308.400	1,38
7	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền trong phạm vi 50m đầu	9.188.000	19.177.000	2,09
8	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền trong phạm vi sau 50m đầu	3.675.200	7.670.800	2,09
9	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền, chiều rộng hẻm từ 3,5 đến 6 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	2.756.400	5.753.000	2,09
10	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền, chiều rộng hẻm từ 3,5 đến 6 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi sau 50m đầu	1.102.560	2.301.000	2,09
11	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính đường 3/2, chiều rộng hẻm từ 6 mét trở lên, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	3.675.200	6.948.000	1,89
12	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính đường 3/2, chiều rộng hẻm từ 3,5 mét đến dưới 6 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	2.756.400	5.211.000	1,89
13	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính đường 3/2, chiều rộng hẻm dưới 3,5 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	1.837.600	3.474.000	1,89
14	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm số 6 đường Nguyễn Chí Thanh (hẻm chính rộng từ 6m	2.925.000	5.508.000	1,88

TT	Nội dung	Đơn giá theo Bảng giá đất (đồng/m^2)	Đơn giá đề xuất (đồng/m^2)	Hệ số chênh lệch so với Bảng giá đất
	đến 9m), chiều sâu hẻm trên 250m. trong phạm vi 50m đầu			
15	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm số 6 đường Nguyễn Chí Thanh (hẻm chính rộng từ 6m đến 9m), chiều sâu hẻm trên 250m. trong phạm vi sau 50m đầu	1.170.000	2.203.000	1,88
16	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường CMT8 đến B4 cũ trong phạm vi sau 50m đầu	5.500.000	6.214.000	1,13
17	Đất ở tại đô thị tiếp giáp đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường B4 cũ đến đường Trường Chinh (đường I). trong phạm vi sau 50m đầu	5.250.000	5.931.000	1,13
18	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính rộng từ 3,5m đến dưới 6m đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường CMT8 đến B4 cũ chiều sâu hẻm từ mét thứ 150 đến mét thứ 250, trong phạm vi sau 50m đầu	1.320.000	1.491.000	1,13
19	Đất ở tại đô thị tiếp giáp hẻm chính rộng từ 3,5m đến dưới 6m đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường B4 cũ đến đường Trường Chinh (đường I) chiều sâu hẻm từ mét thứ 150 đến mét thứ 250, trong phạm vi sau 50m đầu	1.260.000	1.423.000	1,13
20	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Lê Duẩn nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến cuối tuyến), phạm vi thu hồi đất 50m đầu		17.365.000	1,13
21	Đất ở tại đô thị không giáp đường	404.000	930.000	2,30
B	**Đất nông nghiệp**			
1	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường CMT8 trong đoạn từ đường Hoàng Lê Kha (ngã tư Bọng Dầu) đến đường Điện Biên Phủ (Cửa Hòa Viện) trong phạm vi 50m đầu	450.000	35.696.000	79,32
2	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường CMT8 trong đoạn từ đường Hoàng Lê Kha (ngã tư Bọng Dầu) đến đường Điện Biên Phủ (Cửa Hòa Viện) trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	17.848.000	39,66
3	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường 3/2 trong đoạn từ đường CMT8 đến ngã 3 đi B4 trong phạm vi 50m đầu	450.000	4.544.000	10,10
4	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường 3/2 trong đoạn từ đường CMT8 đến ngã 3 đi B4 trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	2.272.000	5,05
5	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Trường Chinh trong đoạn từ đường Nguyễn Chí	450.000	6.221.000	13,82

TT	Nội dung	Đơn giá theo Bảng giá đất (đồng/m^2)	Đơn giá đề xuất (đồng/m^2)	Hệ số chênh lệch so với Bảng giá đất
	Thanh (đường 7) đến Trụ sở Công an thành phố mới trong phạm vi 50m đầu			
6	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Trường Chinh trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Trụ sở Công an thành phố mới trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	3.110.500	6,91
7	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền trong phạm vi 50m đầu	450.000	6.081.000	13,51
8	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	3.041.000	6,76
9	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền, chiều rộng hẻm từ 3,5 đến dưới 6 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	450.000	3.447.000	7,66
10	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền, chiều rộng hẻm từ 3,5 đến dưới 6 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	1.723.500	3,83
11	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền, chiều rộng hẻm từ 3,5 đến dưới 6 mét, chiều sâu hẻm chiều sâu hẻm sau mét thứ 150 đến hết mét thứ 250 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	450.000	2.847.000	6,33
12	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ trong đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh (đường 7) đến Bệnh viện Y học Cổ truyền, chiều rộng hẻm từ 3,5 đến dưới 6 mét, chiều sâu hẻm chiều sâu hẻm sau mét thứ 150 đến hết mét thứ 250 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	1.409.000	3,13

TT	Nội dung	Đơn giá theo Bảng giá đất (đồng/m^2)	Đơn giá đề xuất (đồng/m^2)	Hệ số chênh lệch so với Bảng giá đất
13	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường 3/2, chiều rộng hẻm từ 6 mét trở lên, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	450.000	1.248.000	2,77
14	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường 3/2, chiều rộng hẻm từ 3,5 mét đến dưới 6 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	450.000	1.048.500	2,33
15	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính đường 3/2, chiều rộng hẻm dưới 3,5 mét, chiều sâu hẻm Từ sau thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường phố đến hết mét thứ 150 tính từ mép đường hiện trạng, trong phạm vi 50m đầu	450.000	849.000	1,89
16	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm số 6 đường Nguyễn Chí Thanh (hẻm chính rộng từ 6m đến 9m), chiều sâu hẻm trên 250m. trong phạm vi 50m đầu	450.000	2.547.000	5,66
17	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường CMT8 đến B4 cũ. trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	1.312.500	2,92
18	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường B4 cũ đến đường Trường Chinh (đường I). trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	1.253.000	2,78
19	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính rộng từ 3,5m đến dưới 6m đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường CMT8 đến B4 cũ chiều sâu hẻm từ mét thứ 150 đến mét thứ 250, trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	1.050.000	2,33
20	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm chính rộng từ 3,5m đến dưới 6m đường Phạm Văn Xuyên trong đoạn từ đường B4 cũ đến đường Trường Chinh (đường I) chiều sâu hẻm từ mét thứ 150 đến mét thứ 250, trong phạm vi sau 50m đầu	450.000	1.002.400	2,23
21	Đất nông nghiệp trong khu dân cư không tiếp giáp đường	190.000	716.000	3,77

TT	Nội dung	Đơn giá theo Bảng giá đất (đồng/m^2)	Đơn giá đề xuất (đồng/m^2)	Hệ số chênh lệch so với Bảng giá đất
22	Đất nông nghiệp tiếp giáp hẻm phụ rộng dưới 3,5m, chiều sâu hẻm trên 150 của hẻm chính đường Nguyễn Hữu Thọ rộng từ 3,5 đến 6m, trong phạm vi 50m đầu (theo GCNQSDĐ thể hiện đường 2m, đường bờ, mương nước, mương nước 2m, đường đất)	190.000	819.000	4,31
23	Đất nông nghiệp tiếp giáp đường Lê Duẩn nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến cuối tuyến), phạm vi thu hồi đất 50m đầu	450.000	4.544.000	10,10

2. Đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt:

2.1. Điều kiện bồi thường: Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 102 Luật Đất đai 2024; Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2.2. Đơn giá bồi thường: Áp dụng theo Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2.3. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp cụ thể:

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND thành phố Tây Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch phân khu 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, tỷ lệ 1/2000.

Căn cứ Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Tân Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch phân khu số 2 "Khu đối ngoại" thành phố Tây Ninh, tỷ lệ 1/2000 (Thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời).

Phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

a. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất ở tại đô thị trước ngày 01/7/2004 và nhà xây dựng có giấy phép xây dựng:

Bồi thường 100% đơn giá xây mới theo quy định tại Khoản 1 Điều 102 Luật Đất đai 2024 và quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

- Đơn giá bồi thường: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất ở tại đô thị từ sau ngày 01/7/2004 đến ngày 18/6/2025 không có giấy phép xây dựng, phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Không bồi thường, chỉ xem xét hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường, hỗ trợ xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

- Đơn giá tính hỗ trợ: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

c. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất ở tại đô thị từ sau ngày 18/6/2025 không có giấy phép xây dựng:

Không bồi thường, không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024 và quy định tại Khoản 5 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

d. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp trước ngày 01 tháng 7 năm 2004:

- Không bồi thường, chỉ xem xét hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường, hỗ trợ xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

- Đơn giá tính hỗ trợ: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

e. Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004:

Không bồi thường, không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024 và quy định tại Khoản 5 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

f. Đối với nhà, công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định:

"Điều 21. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn

..2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời cho chủ sở hữu công trình cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể."

Khoản 2 Điều 16 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định:

"Điều 16. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định tại Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định tại Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời theo hình thức bằng tiền.

Mức hỗ trợ cụ thể do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán chi phí hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời gửi cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên môn cùng cấp thẩm định trước khi trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ hỗ trợ. Mức hỗ trợ không quá 10% giá trị bồi thường công trình đó. Trường hợp công trình không còn sử dụng hoặc thực tế không sử dụng thì không được hỗ trợ."

Không bồi thường, chỉ hỗ trợ chi phí tháo dỡ, phá dỡ, di dời bằng 10% giá trị bồi thường công trình đó, đơn giá bồi thường theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Bồi thường cây trồng:

Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2024.

Điều kiện bồi thường và đơn giá bồi thường: Áp dụng theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

4. Chính sách hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Cụ thể như sau:

4.1. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất:

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 14 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh:

Đơn giá gạo: Căn cứ theo Thông báo số 880/TB-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh và Công văn số 4216/STC-GCS ngày 27/3/2026 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Thông báo số 880/TB-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính.

4.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất và Điều 10 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh:

Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định:

"Điều 22. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất

1. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 của Luật Đất đai là cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp mà tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó và không thuộc các trường hợp sau đây:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Người hưởng lương hưu;

c) Người nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng;

d) Người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Điều 10 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định"

"Điều 10. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 5 Điều 109 của Luật Đất đai; khoản 1, 2 và 4 Điều 22 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Đất đai; khoản 1, 2 và 4 Điều 22 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần (một phẩy năm lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của UBND tỉnh và quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai."

4.3. Hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở:

Thực hiện theo khoản 2 Điều 108 của Luật Đất đai và Điều 9 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mức hỗ trợ: Trường hợp di chuyển trong phạm vi tỉnh hỗ trợ 6.500.000 đồng/hộ; di chuyển sang tỉnh khác được chính quyền địa phương của

tỉnh nơi hộ gia đình, cá nhân di chuyển đến ở xác nhận thì hỗ trợ 12.500.000 đồng/hộ.

4.4. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở:

Thực hiện khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai và Điều 17 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mức hỗ trợ: 8.000.000 đồng/hộ/tháng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày di chuyển chỗ ở và bàn giao đất.

Trường hợp quá thời gian 06 tháng mà cơ quan có thẩm quyền chưa bố trí tái định cư xong thì được tiếp tục hỗ trợ thuê nhà ở cho đến khi được bố trí tái định cư.

4.5. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Đối tượng hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: Mức hỗ trợ bằng tiền 200 triệu đồng/trường hợp.

4.6. Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai:

- Đối tượng: Người có đất ở bị thu hồi theo quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai mà đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư niêm yết công khai theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a khoản 3 Điều 87 của Luật Đất đai và thực hiện bàn giao mặt bằng trên thực địa cho Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định thu hồi đất của UBND cấp huyện thì được thưởng bằng tiền.

- Mức thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mức thưởng là 15.000.000 đồng/trường hợp (thưởng một lần).

5. Tái định cư:

- Số hộ đủ điều kiện bố trí tái định cư: 11 hộ.

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu tái định cư Phạm Tung, Phường 3 (nay là phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh).

- Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư:

+ Vị trí đất tiếp giáp đường Phạm Tung: 22.000.000 đồng/m^2

+ Vị trí đất tiếp giáp đường Đặng Ngọc Chinh: 19.000.000 đồng/m^2

+ Vị trí đất tiếp giáp đường nội bộ trong khu tái định cư: 12.300.000 đồng/m^2

- Hình thức giao đất tái định cư: Tổ chức cho các hộ bốc thăm để chọn vị trí cụ thể được bố trí tái định cư.

*** Ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định:

"Điều 26. Ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư:

1. Đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 111 của Luật Đất đai là người được bố trí tái định cư mà tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn tiền sử dụng đất phải nộp khi được giao đất tái định cư, nếu có nhu cầu ghi nợ tiền sử dụng đất và cam kết thực hiện bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ.

2. Giá đất để tính ghi nợ tiền sử dụng đất là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Khi thanh toán nợ tiền sử dụng đất thì người sử dụng đất trả nợ theo số tiền sử dụng đất được nợ ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Mức tiền sử dụng đất ghi nợ đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được xác định bằng chênh lệch giữa tiền sử dụng đất phải nộp khi hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư trừ (-) giá trị được bồi thường về đất.

Trường hợp thuộc đối tượng được hỗ trợ tái định cư, nếu số tiền sử dụng đất phải nộp lớn hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu thì được ghi nợ số tiền sử dụng đất lớn hơn phải nộp.

4. Hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp đủ tiền sử dụng đất còn nợ trước khi chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Đối với trường hợp thừa kế hoặc tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật mà chưa trả hết nợ tiền sử dụng đất thì người nhận thừa kế, nhận tặng cho được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thì tiếp tục được ghi nợ.

5. Về trình tự, thủ tục ghi nợ, thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

6. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Tỉnh.

7. Địa điểm tiếp nhận ý kiến của người dân có đất bị thu hồi:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh đề nghị các hộ dân có đất bị thu hồi trong thời gian niêm yết, nếu có ý kiến về dự thảo phương án

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề nghị ghi rõ nội dung ý kiến vào phiếu lấy ý kiến (theo mẫu) và nộp lại cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh để tổng hợp, xem xét theo quy định.

*** Địa điểm tiếp nhận ý kiến của người dân có đất bị thu hồi:**

Tại Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh, địa chỉ số 138 đường Trần Hưng Đạo, khu phố 22, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh. Số điện thoại liên hệ: 02763.810.597.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh đề nghị UBND phường Tân Ninh thông báo trên các phương tiện truyền thông của phường để các hộ dân biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Trung tâm PTQĐ (b/c);
- UBND phường Tân Ninh;
- Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông tỉnh Tây Ninh;
- BGĐ Chi nhánh;
- Lưu: VT, NV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC TÂN NINH

Phan Tuấn Cường